

Bản án số: 165/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-07-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXX-ST ngày 16/06/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐ-ST ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang cư trú và lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T, kết hôn với nhau ngày 14/06/2010 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Dương Văn T có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong chị đã về gia đình anh Dương Văn T, ở tại Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm dâu ngay. Đến năm 2015 anh T làm thủ tục sang Đài Loan. Từ khi sang Đài Loan vợ chồng ít liên lạc với nhau vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã

bất hòa. Trong sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không thể hòa hợp được. Từ năm 2015 đến nay anh T không về thăm chị và con lần nào. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau được 08 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau không quan tâm đến nhau. Nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 03/01/2011. Hiện nay, cháu Dương Minh Đ đang sinh sống cùng chị tại Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/03/2023 và ngày 09/05/2022, anh Dương Văn P là anh trai anh T trình bày: Anh là anh trai anh Dương Văn T, em trai anh hiện nay đang cư trú và lao động ở nước ngoài. Anh T đã xuất cảnh từ năm 2015, đến nay chưa về thăm gia đình lần nào. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh T, anh T cũng có biết việc chị H có đơn xin ly hôn, anh cũng đã nhiều lần hỏi anh T về địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình anh biết, anh đồng ý nhận thay các văn bản, thông báo của Tòa án liên quan đến việc giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh T, cam kết thông báo lại ngay nội dung cho anh T biết.

Cháu Dương Minh Đ trình bày: Cháu là con mẹ Nguyễn Thị H, con bố Dương Văn T. Cháu có biết việc mẹ cháu là Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn với bố là Dương Văn T, bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai lần nhưng vẫn vắng mặt không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H và anh T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 03/01/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh T, anh T hiện đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số 5585/QLXNC-P5 ngày 20/03/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ Công an cung cấp, anh T đã xuất cảnh ngày 14/04/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Do vụ án có bị đơn ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 14/06/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau được một thời gian. Đến năm 2015 anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay anh T chưa về thăm gia đình lần nào. Theo chị H trình bày: vợ chồng chị đã sống ly thân nhau được 08 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Như vậy, vợ chồng chị H, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 03/01/2011. Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh T đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu Đ từ khi anh T đi nước ngoài vẫn do chị H nuôi dưỡng cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, cháu Đ trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do vậy, yêu cầu của chị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 03/01/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi mọi mặt con chung, cũng như điều kiện thực tế hiện nay và nguyện vọng của cháu Đ.

Sau khi ly hôn anh Dương Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Dương Văn T về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 03/01/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Dương có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 08/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Dương Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

